

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 17/5/2019

*V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Biên

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 463/2018/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2018 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX- ST ngày 23/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2019/QĐ- ST ngày 09 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1977

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ hiện ở: Tổ 53, khu 4B, phường C, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng: Chị **Phạm Thị Kim O**, sinh năm 1978

Địa chỉ: số 203, tổ 6, khu 7, phường Cao Xanh, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Chị H có mặt, anh C và chị O vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/10/2018, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc, nguyên đơn- chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Chị H và anh C được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân, hai bên làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/9/1999. Sau kết hôn vợ chồng chung sống và làm ăn kinh tế tại địa phương, cùng nhau nuôi dạy hai con chung. Thời gian đầu cuộc vui vẻ bình thường. Nhưng nhiều năm nay, vợ chồng không thống nhất trong việc phát triển kinh tế chung, chỗ ở và việc nuôi dạy con chung nên xảy ra bất đồng xô sát, cuộc sống không có hạnh phúc. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải vợ chồng nhưng đều không có kết quả, tình trạng vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, hai bên không có tiếng nói chung nên chị H và anh C quyết định sống ly thân từ năm 2016 đến nay, hai bên không còn quan tâm chăm lo gì cho nhau. Nay, chị H xác định vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh C để hai bên có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thị Linh V, sinh ngày 14/02/1998 và Nguyễn Thị Hồng V1, sinh ngày 13/8/2008. Nay vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án cho chị H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng V1 vì cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và nhiều năm nay hai mẹ con đều sống cùng nhau, cháu V đang học tập và có chỗ ở ổn định tại thành phố Hạ Long. Chị H chăm lo nuôi dưỡng cháu V ăn học phát triển bình thường như các bạn cùng trang lứa. Đối với cháu Nguyễn Thị Linh V, hiện đã trưởng thành nên không phải xem xét giao nuôi cháu Linh V.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H xác định chị có công việc làm và thu nhập ổn định hàng tháng tại thành phố Hạ Long nên tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện vợ chồng không có gì tranh chấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2019, bị đơn- anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ vợ chồng và con chung: Anh C xác định đúng như nội dung chị H trình bày tại Tòa án. Anh C và chị H được tự nguyện tìm hiểu để đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 20/9/1999. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu vui vẻ hòa thuận, nhưng nhiều năm nay do quan điểm sống khác nhau, hai bên không thống nhất trong cách làm ăn kinh tế, chỗ ở và việc nuôi dạy con chung nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Chị H không muốn sống chung cùng anh nên nhiều năm nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm chăm lo cho nhau là đúng thực tế. Nay, chị H làm thủ tục ly hôn, anh C mong muốn chị H suy nghĩ lại vì các con chung để rút đơn về đoàn tụ nuôi các con và phát triển kinh tế chung. Anh C không nhất trí ly hôn;

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là các cháu Nguyễn Thị Linh V, sinh ngày 14/02/1998, Nguyễn Thị Hồng V1, sinh ngày 13/8/2008. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Hồng V1 ở cùng mẹ và học tập tại thành phố Hạ Long. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh C tôn trọng nguyện vọng của cháu Hồng V1. Đối với cháu Nguyễn Thị Linh V đã trưởng thành nên không cần phải xem xét, giải quyết;

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung của hai bên gia đình (bên chồng, bên vợ) của vợ chồng: Không có gì tranh chấp phải xem xét, giải quyết trong vụ án;

Theo cung cấp của đại diện Ủy ban nhân dân xã L phản ánh nội dung: Anh C, chị H làm thủ tục kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải D-ong vào ngày 20/9/1999. Hai bên sống ly thân nhiều tháng nay là đúng thực tế; thời gian còn chung sống cùng nhau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xô sát, không được hòa thuận hạnh phúc.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng nh- tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án; *Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:* Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị H được ly hôn anh C; Về con chung, xử giao cho chị H đ-ợc quyền nuôi con chung là Nguyễn Thị Hồng V1, sinh ngày 13/8/2008. Chấp nhận việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh C hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi cháu V trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng) của vợ chồng: Không đặt ra việc xem

xét, giải quyết. Về án phí, xử: Chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị H, anh C được tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/9/1999 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh C đang cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân; Căn cứ đơn và yêu cầu của chị H xin ly hôn thì thấy: Qua lời khai của các đương sự trình bày tại Tòa án, cung cấp của đại diện chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lời khai của đại diện gia đình đương sự và các tài liệu được thu thập trong vụ án phản ánh cuộc sống vợ chồng chị H, anh C nhiều năm nay không được hoà thuận, hạnh phúc, hai bên có sự khác biệt về quan điểm sống, không thống nhất trong cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, nơi ở chung và việc nuôi dạy con chung. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, xô sát không thể tự giải quyết được. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nhiều năm nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc là đúng thực tế. Bản thân anh C đã nhận được thông báo phiên hòa giải nhưng cũng không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh C cũng không có ý thức mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định cuộc sống vợ chồng chị H, anh C đến nay thực sự không còn hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật ;

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị H, anh C có con chung là Nguyễn Thị Linh V, sinh ngày 14/02/1998 và Nguyễn Thị Hồng V1, sinh ngày 13/8/2008. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Nguyễn Thị Hồng V1 ở cùng mẹ và học tập tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và được chị H nuôi dưỡng ăn học, phát triển bình thường. Chị H có công việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Cháu Hồng V1 có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Do vậy, cần giao cho chị H được quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Hồng V1 là có căn cứ, đúng quy định. Đối với cháu Nguyễn Thị Linh V đã trưởng thành nên không cần phải xem xét, giải quyết;

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện chị H xác định có việc làm và thu nhập ổn định nên tự nguyện không yêu cầu anh C hàng tháng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H là có cơ sở chấp nhận, phù hợp quy định của pháp luật.

[4]Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Hiện chị H và anh C đều xác định không có gì tranh chấp phải xem xét, giải quyết nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án.

[5] Theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, chị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng. Anh C không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn C ;

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được quyền nuôi con chung là Nguyễn Thị Hồng V1, sinh ngày 13/8/2008. Chấp nhận việc chị H tự nguyện không yêu cầu anh C hàng tháng cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai đ-ợc cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản của hai bên gia đình (bên vợ, bên chồng): Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng đ-ợc đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001964 ngày 27/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn. Chị H đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

5. □n xử công khai sơ thẩm. Tòa án báo cho chị H biết đ-ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; Anh C biết được quyền

kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục thi hành án ds huyện Kinh Môn;
- UBND xã L;
- L- u hồ sơ, V.P

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Thẩm phán

Phạm Văn Biên - Đinh Thị Tin

Phạm Anh Tuyết

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kinh Môn, ngày 24 tháng 8 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

1/ Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết

2/ Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Căn cứ vào Điều 236- Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 15 giờ 20 phút ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và Gia đình đối với các đ- ông sự:

Nguyên đơn: Anh Lương Văn Tuyên, sinh năm 1975

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết, sinh năm 1976

Đều ở địa chỉ: Thôn Ngư Uyên, xã Long Xuyên, huyện K, tỉnh Hải Dương

* Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử đã thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án nh- sau:

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

.....

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Thẩm phán

Bùi Quốc Huy - Phạm Thị Chuộng

Phạm Anh Tuyết